TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 12 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

2 Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 384/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh N - Sinh năm 2002 (có mặt)

Địa chỉ: Số C, đường L, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

2/ Bị đơn: Ông Lê Hữu T - Sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

NỘI NGÂN VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N trình bày: Vào năm 2021, thông qua mai mối bà và ông T sau thời gian tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh An Giang ngày 17/02/2021. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn với phía gia đình chồng, chồng không quan tâm... dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không được. Sau đó, thì bà N tự bỏ về gia đình cha mẹ ruột, bà và ông T ly thân nhau khoản tháng 10/2023 và để con lại cho chồng và gia đình chồng tiếp tục nuôi dưỡng cho đến nay.

Nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Lê Hữu T.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Lê Hữu T1 (nam); sinh ngày 10/10/2021 hiện cháu đang sống chung với ông T, tuy nhiên bà N yêu cầu được nuôi cháu T1 đến khi thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Hữu T trình bày: Vào năm 2021, thông qua mai mối, sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì bà N và ông T tiến tới hôn nhân, hai bên có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường C, thành phố C, tỉnh An Giang ngày 17/02/2021, sau khi kết hôn thì ông bà về gia đình chồng sinh sống đến khi ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp ý, bà ngân có một số mâu thuẫn với gia đình chồng. ông T đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: có 01 con chung là Lê Hữu T1 (nam); sinh ngày 10/10/2021, hiện cháu đang sống chung với ông T, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không đồng ý giao cháu T1 cho bà N nuôi dưỡng vì hiện tại cháu T1 được ông chăm sóc tốt.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị được nuôi cháu T1, không yêu cầu ông T cấp dưỡng, bà N cho rằng hiện tại bà đang làm tại hệ thống đại lý vé số K, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, hiện tại bà ở chung gia đình cha mẹ ruột tại thành phố C nên có đầy đủ điều kiện về chổ ở, công việc và có thời gian chăm sóc con chung.

Bị đơn ông T đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý giao cháu T1 cho bà N nuôi dưỡng vì hiện tại ông đang chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt từ khi ông bà ly thân cho đến nay, cháu có cuộc sống ổn định và ông hiện tại cũng có nguồn thu nhập ổn định và chổ ở, đủ điều kiện để nuôi dạy hai con tốt đến khi thành niên nên để tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu T1, đề nghị cho ông được tiếp tục nuôi cháu đến khi thành niên, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích của đương sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Sau khi phân tích các điều kiện về công việc, nguồn thu nhập, chổ ở hợp pháp, thời gian chăm sóc con của nguyên đơn, bị đơn bên đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn bà Nguyễn Thanh N và ông Lê Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hữu T1 (nam); sinh ngày 10/10/2021 cho bà Nguyễn Thanh N nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N, ông T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, viện kiểm sát còn phát biểu về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa ông T, bà N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, bà và ông phát sinh mâu thuẫn nên bà N nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lê Hữu T cư trú tại ấp P, xã P, huyện C nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa ông T, bà N tự nguyện chung sống với nhau, tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2021, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang ngày 17/02/2021 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà N cho rằng ông T không quan tâm, bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp ý và có một số mâu thuẫn với gia đình chồng, từ đó vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên bà N và ông T đã ly thân hơn 02 tháng nay và giao con lại cho chồng nuôi dưỡng, bà N cũng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không được, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà N cương quyết xin ly hôn và không muốn hàn gắn, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà N mặc dù được Hội đồng xét xử động viên nhiều lần nhưng không được. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông T là thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N và ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thanh N và ông Lê Hữu T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông T, bà N có 01 con chung là Lê Hữu T1 (nam); sinh ngày 10/10/2021, hiện đang sống chung với ông T, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, cả ông T và bà N đều có nguyện vọng được nuôi con chung, xét thấy ông bà đều có những điều kiện cơ bản, nhất định để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cả ông bà đều đang sống cùng cha mẹ ruột của mình, bà N xác định hiện đang đi làm cho đại lý vé số K tại thành phố C với nguồn thu nhập là 6.000.000 đồng, ông T hiện đang làm công nhân Công ty T2 tại Cần Thơ cũng có nguồn thu nhập ổn định, hiện tại cháu T1 đang sống chung, ổn định với ông T và gia đình, được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ chu đáu từ khi ông bà ly thân đến nay,

ông T và cháu T1 có chổ ở ổn định cùng cha mẹ ruột ông T, có chứng cứ chứng minh nguồn thu nhập. Tại phiên tòa, phía ông T xác định từ trước đến nay vẫn tạo điều kiện cho bà N đến để thăm nom, chăm sóc con chung, không ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc cháu T1 của bà N, được bà N thừa nhận, Hơn nữa, bà N cũng xác định nếu giao con chung cho bà nuôi dưỡng thì bà cũng phải giao cháu T1 cho ông bà ngoại (cha mẹ bà N) chăm sóc nuôi dưỡng phụ lúc bà đi làm hàng ngày để có thời gian đi làm để có nguồn thu nhập ổn định nuôi con chung và bà cũng không có chứng cứ chứng minh ông T không có đủ điều kiện để nuôi con chung. Ngoài ra, bà N cũng xác định từ trước đến nay ông T không vi phạm pháp luật, nghiện ma túy, cũng không ngược đãi bạo hành với con nên đủ điều kiện tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nhỏ, bảo đảm sự phát triển bình thường về mọi mặt của của cháu T1, làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý của trẻ nhỏ nên Hội đồng xét xử cân nhắc nhiều mặt quyền lợi của cháu T1 nên xem xét cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi thành niên là phù hợp thực tế và quy định pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N không ai được quyền cản trở. Ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu giải quyết.

[5] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa, và yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ nên chấp nhận, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như yêu cầu nuôi con chung của Nguyên đơn.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn bà Nguyễn Thanh N và ông Lê Hữu T.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Hữu T1 (nam); sinh ngày 10/10/2021 cho ông Lê Hữu T nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà N chưa phải cấp dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002759 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành tiền án phí (bà N đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh